

Số: 11/2026/QĐST-DS

Lâm Đồng, ngày 27 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 299, Điều 301, Điều 303, Điều 304, Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 322, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 100 và Điều 103 của Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 19 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 84/2026/TLST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Đồng nguyên đơn:

+ **Công ty cổ phần M.**

Địa chỉ: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Hoàng Anh T** - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Võ Ngọc D** - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ miền N - Trung tâm xử lý nợ - Công ty cổ phần M (Văn bản ủy quyền số 10/2024/UQ-TGD lập ngày 05/12/2024).

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Lương Thanh H**, ông **Nguyễn Khắc Quang H1**, ông **Nguyễn Như T1**; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ. Địa chỉ: Số A và C, đường T, khu phố B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền số 15303/2026/UQ-XLN-JUPITERMN lập ngày 01/3/2026).

+ **Ngân hàng TMCP V.**

Trụ sở: Số H L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Ngô Chí D1** - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Hà Xuân S** - Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông **Đỗ Vũ Bảo C**, ông **Hoàng Minh H2**, ông **Đặng Sơn T2**; Địa chỉ: Số A và C, đường T, khu phố B, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền lập ngày 01/12/2025).

- Bị đơn: Vợ chồng ông **Nguyễn Duy N**, sinh năm 1976; bà **Hồ Thị H3**, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Thôn L, xã Đ, tỉnh Lâm Đồng (bà H3 ủy quyền cho ông N theo văn bản lập ngày 14/3/2026).

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Vợ chồng ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 đồng ý trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/3/2026 là 476.523.125 đồng, trong đó nợ gốc là 371.795.179 đồng, nợ lãi là 104.727.946 đồng theo Hợp đồng cho vay số LD2420700184 ngày 25/7/2024; Hợp đồng cho vay số LN2422502711 ngày 12/8/2024; Hợp đồng mua bán nợ số 23/2025/VPB-JUPITER ngày 30/5/2025 và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 trả hết nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V, cụ thể:

Vợ chồng ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 phải trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/3/2026 là 452.696.969 đồng (gồm nợ gốc là 353.205.420 đồng và nợ lãi là 99.491.549 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 trả hết nợ cho Công ty cổ phần M.

Vợ chồng ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 phải trả cho Ngân hàng TMCP V tổng số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 19/3/2026 là 23.826.156 đồng (gồm nợ gốc là 18.589.759 đồng, nợ lãi là 5.236.397 đồng) và tiếp tục chịu lãi phát sinh cho đến khi ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP V.

2.2. Kể từ ngày 20/3/2026 trở đi, vợ chồng Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa Ngân hàng TMCP V với vợ chồng Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 cho đến khi vợ chồng Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 trả xong nợ.

Trường hợp trong hợp đồng cho vay các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng thì lãi suất mà vợ chồng Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 phải tiếp tục thanh toán theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

2.3. Tiếp tục duy trì Hợp đồng cho vay kèm hợp đồng thế chấp số LN2101183301028 ngày 25/01/2021 đối với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI mang biển kiểm soát số 49A-379.05, có số khung MHYANC22SLJ909528, số máy K15BT1217291, thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3, đã ký kết giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng TMCP V và bên thế chấp là ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 cho đến khi ông N, bà H3 trả nợ dứt điểm cho Công ty

cổ phần M và Ngân hàng TMCP V.

Kể từ ngày đến hạn trả nợ, nếu vợ chồng ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 không trả đủ tổng số tiền còn nợ thì Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá để thu hồi nợ đối với tài sản thế chấp.

Trong trường hợp số tiền thu hồi được từ tài sản đảm bảo không đủ trả nợ thì ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 còn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản tiền vay.

2.4. Về án phí: Vợ chồng ông Nguyễn Duy N, bà Hồ Thị H3 phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 11.530.463 đồng (mười một triệu, năm trăm ba mươi ngàn, bốn trăm sáu ba đồng).

Hoàn trả cho Công ty cổ phần M số tiền 10.244.000 đồng (*bằng chữ: Mười triệu, hai trăm bốn mươi bốn ngàn*) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002650 ngày 06/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lâm Đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP V số tiền 542.000 đồng (*bằng chữ: Năm trăm bốn mươi hai ngàn*) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002651 ngày 06/02/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Lâm Đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND Khu vực 3 - Lâm Đồng;
- Cơ quan THADS tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN

(*Đã ký*)

Hoàng Văn Bình